TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Khanh

2. Ông Võ Ngọc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1979. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1975. Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 5, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Trần Văn H sống chung với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã P. Ngay từ khi về chung sống với nhau, anh Hg đã có tính rượu chè, không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị N nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh H có 03 con chung là Trần Thế M, sinh năm 2000; Trần Việt A, sinh năm 2002; Trần Thị Kiều Ng, sinh năm 2004. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2018, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H không có việc làm, thường xuyên nhậu nhẹt không lo được cho kinh tế gia đình. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: anh H và chị N có với nhau 03 con chung là Trần Thế M, sinh năm 2000; Trần Việt A, sinh năm 2002; Trần Thị Kiều Ng, sinh năm 2004. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: hai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không có ai nợ hai anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Anh H và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B (nay là huyện H, tỉnh Bình Phước) năm 2000. Theo lời khai của các đương sự thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả anh H và chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đề nghị Tòa chấp nhận cho chị N ly hôn với anh H.

Chị N và anh H có có 03 con chung, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, anh H đồng ý, 03 con chung đều có nguyện vọng là được sống chung với mẹ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị N, giao 03 con chung cho chi N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H, cư trú tại xã P, huyện H. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị N và anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều N thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B (nay là huyện H, tỉnh Bình Phước) vào năm 2000. Quá trình chung sống, do anh H hay nhậu nhẹt, không lo cho kinh tế gia đình nên hai vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn kéo dài, hiện nay, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc ly với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung là Trần Thế M, sinh năm 2000; Trần Việt A, sinh năm 2002; Trần Thị Kiều Ng, sinh năm 2004. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh H cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, các cháu M, A và Ng đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Mặt khác, anh H cũng không có nghề nghiệp, không có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc giao 03 con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh H và chị N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: anh H và chị N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 01/02/2000 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thế M, sinh năm 2000; Trần Việt A, sinh năm 2002 và Trần Thị Kiều Ng, sinh năm 2004 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004788 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải